

Ngày 31/12/2025	23,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.5%	-0.9%	-9.3%

2025	
ROE	14.4%
	+/- YoY ▲ 3.8%

Q4/25		
DT thuần	255	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 70.0% ▲ 38.1%	YoY ▲ 120% ▲ 89.2%

2025	
DT thuần	690
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 213% ▲ 44.7%

Q4/25		
LN gộp	23.9	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 7.70% ▲ 47.8%	YoY ▲ 3.30% ▲ 16.2%

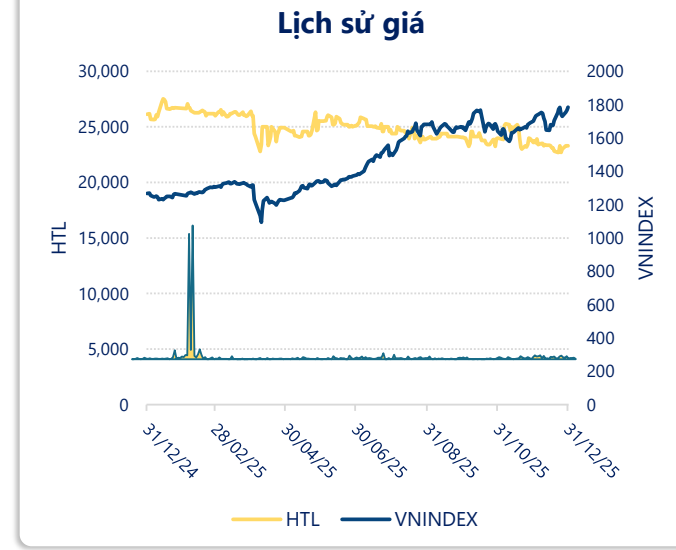
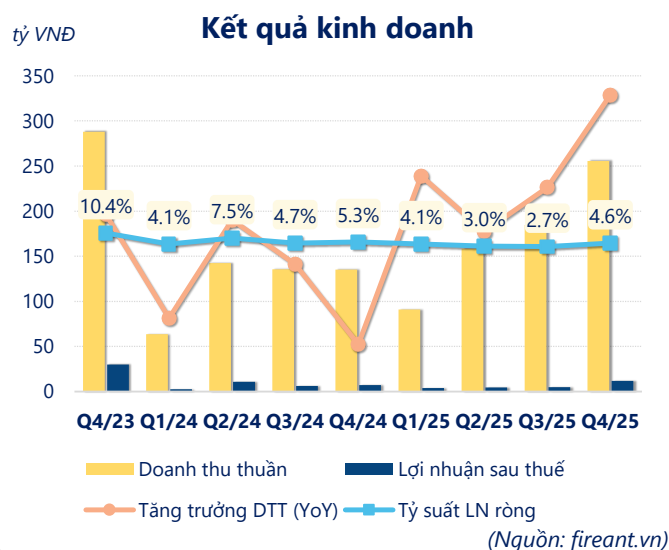
2025	
LN gộp	68.4
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 3.60% ▲ 5.6%

Q4/25		
LN thuần	10.3	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 7.34% ▲ 246%	YoY ▲ 4.70% ▲ 83.1%

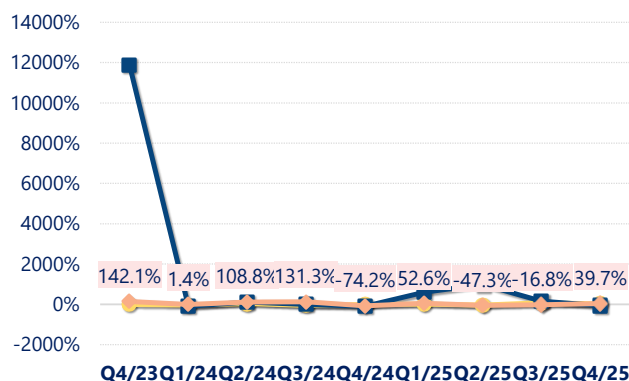
2025	
LN thuần	18.9
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 2.10% ▲ 12.8%

Q4/25		
LN sau thuế	11.7	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 6.79% ▲ 139%	YoY ▲ 4.53% ▲ 63.5%

2025	
LN sau thuế	25.1
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 2.00% ▲ 8.3%



Tăng trưởng lợi nhuận

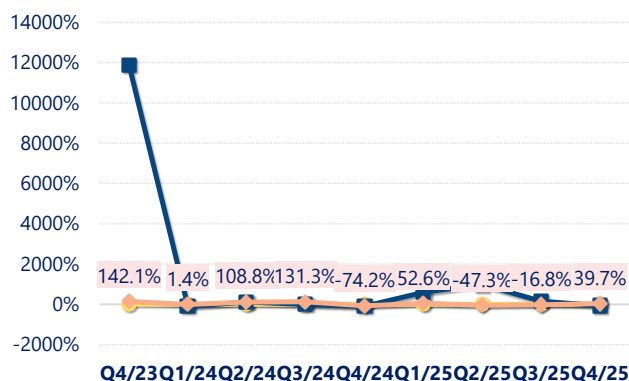


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

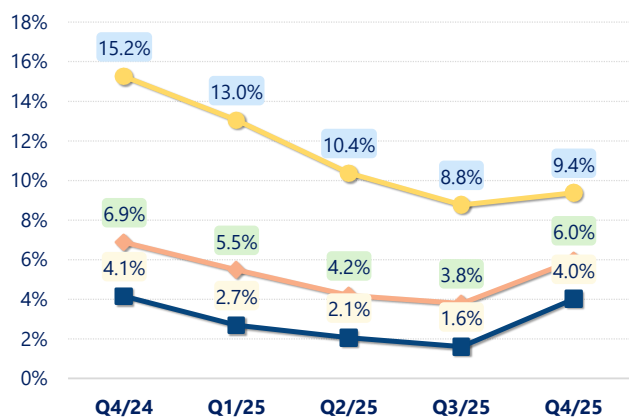


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

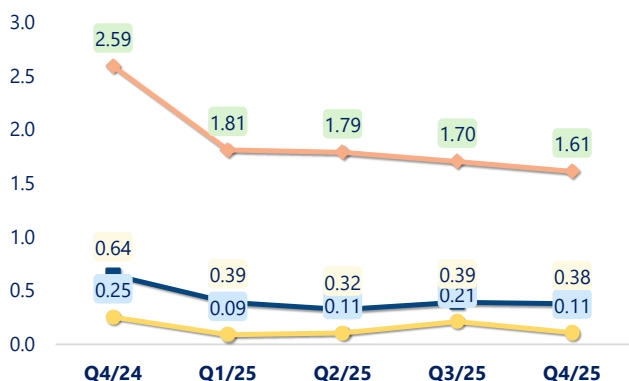


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

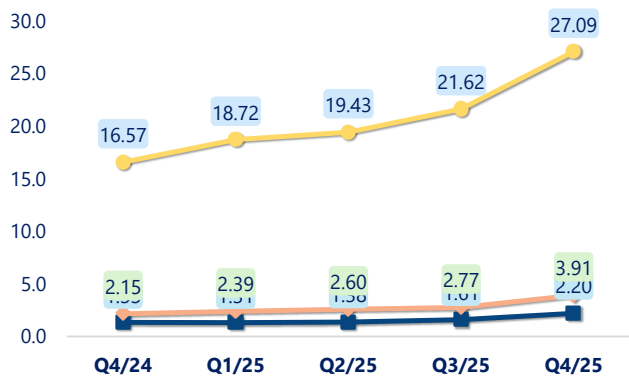


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

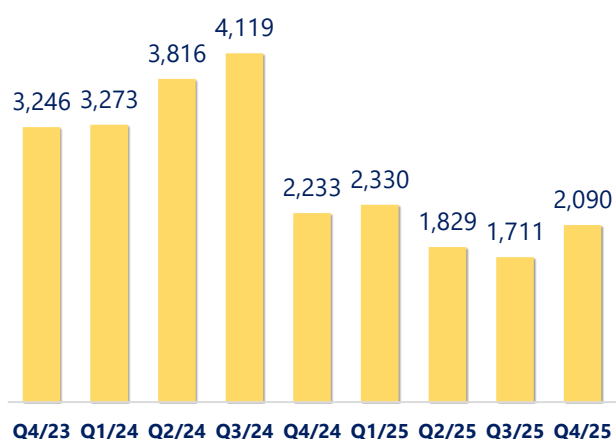


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	255	135	89.2%	690	477	44.7%
Giá vốn hàng bán	232	114	103%	621	412	50.9%
Lợi nhuận gộp	23.9	20.6	16.2%	68.4	64.8	5.6%
Doanh thu HĐTC	1.61	0.40	302%	2.22	3.11	-28.6%
Chi phí TC	0.80	0.17	368%	2.69	2.27	18.3%
Chi phí lãi vay	0.80	0.16	397%	2.36	1.69	39.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.36	9.01	-7.2%	27.3	27.2	0.4%
Chi phí QLDN	6.14	6.22	-1.3%	21.7	21.6	0.3%
LN thuần từ HĐKD	10.3	5.60	83.1%	18.9	16.8	12.8%
Lợi nhuận khác	4.18	3.52	18.8%	12.6	12.3	1.9%
LN trước thuế	14.4	9.12	58.3%	31.5	29.1	8.2%
Lợi nhuận sau thuế	11.7	7.17	63.5%	25.1	23.1	8.3%
LNST của CĐ cty mẹ	11.7	7.17	63.5%	25.1	23.1	8.3%

(Nguồn: fireant.vn)

